

Số: /BC-CTK

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và 7 tháng năm 2021

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Sản xuất vụ Mùa: Tính đến trung tuần tháng Bảy, toàn Thành phố đã gieo trồng được 76,4 nghìn ha lúa vụ Mùa, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước; 2.692 ha ngô, tăng 38,1%; 74 ha khoai lang, giảm 11,9%; 217 ha đậu tương, giảm 40,9%; 260 ha lạc, tăng 5,7%; 6.617 ha rau, tăng 1%; 137 ha đậu, tăng 29,2%. Hiện các địa phương đang tập trung chăm sóc cây rau màu và đẩy nhanh tiến độ gieo cấy trà lúa muộn nhằm đảm bảo hoàn thành gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất.

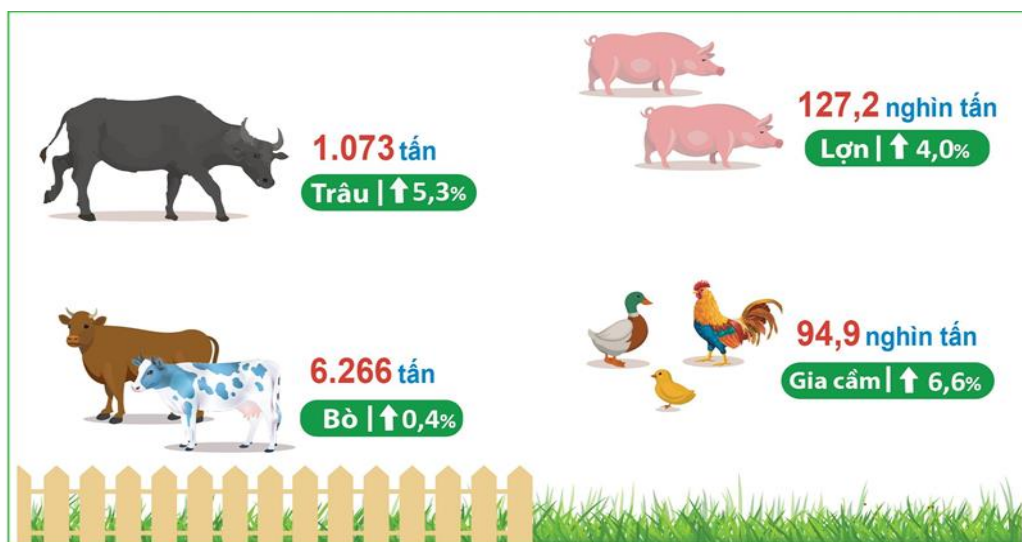
Chăn nuôi: Chăn nuôi trâu, bò ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn trâu hiện có 27,1 nghìn con, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò có 130,4 nghìn con, tăng 0,7%. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 7 tháng năm 2021 ước tính đạt 1.073 tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò đạt 6.266 tấn, tăng 0,4%. Chăn nuôi lợn trên địa bàn đã có sự phục hồi, hoạt động tái đàn được chú trọng nhưng nhìn chung còn chậm, dịch tả lợn châu Phi còn xảy ra rải rác ở một số hộ chăn nuôi¹. Đàn lợn hiện có 1,35 triệu con, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước²; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 7 tháng ước tính đạt 127,2 nghìn tấn, tăng 4%. Chăn nuôi gia cầm đạt khá, bệnh cúm gia cầm vẫn xuất hiện nhưng với phạm vi nhỏ³. Đàn gia cầm hiện có 39,7 triệu con, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà đạt 27 triệu con, giảm 1,1%; sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng 7 tháng ước tính đạt 94,9 nghìn tấn, tăng 6,6%; sản lượng trứng gia cầm đạt 1.486 triệu quả, tăng 8,5%.

¹ Tính từ ngày 25/6 đến 25/7/2021, bệnh dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại 01 hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Thạch Thất, tiêu hủy 1 con lợn, trọng lượng 245 kg. Tính chung từ đầu năm, bệnh dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại 15 hộ chăn nuôi thuộc 07 huyện (Phúc Thọ, Đan Phượng, Quốc Oai, Hoài Đức, Gia Lâm, Chương Mỹ và Thạch Thất). Tiêu hủy 446 con, trọng lượng 17,5 tấn.

² Trong đó đàn lợn không bao gồm lợn sữa 1,16 triệu con, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước.

³ Trong tháng, bệnh Cúm gia cầm (A/H5N8) xảy ra tại 02 hộ thuộc huyện Ba Vì, tiêu hủy 2.528 con. Tính chung từ đầu năm, bệnh Cúm gia cầm đã xảy ra tại 35 hộ chăn nuôi thuộc 10 huyện (Gia Lâm, Hoài Đức, Phú Xuyên, Đan Phượng, Phúc Thọ, Mê Linh, Ba Vì, Chương Mỹ, Thường Tín và Quốc Oai), tiêu hủy 69,8 nghìn con.

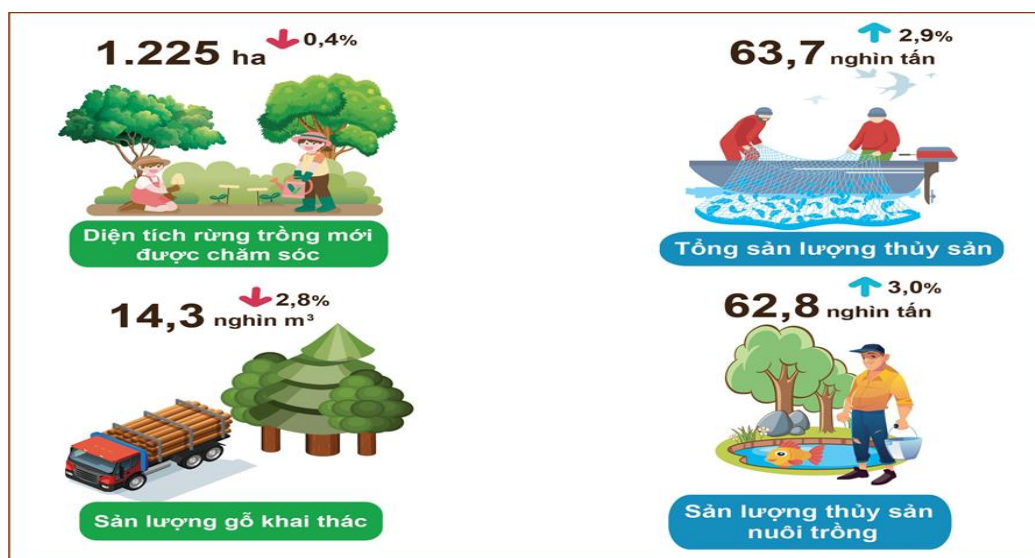
Sản lượng thịt gia súc, gia cầm xuất chuồng 7 tháng năm 2021
(So với cùng kỳ năm trước)



1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng mới được chăm sóc đạt 175 ha, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước; diện tích rừng được khoán bảo vệ đạt 883 ha, giảm 1,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 2.250 m³, giảm 2,2%; sản lượng củi khai thác đạt 59 ste, giảm 1,7%. Tính chung 7 tháng năm 2021, diện tích rừng trồng mới được chăm sóc đạt 1.225 ha, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2020; diện tích rừng được khoán bảo vệ đạt 6.183 ha, giảm 1,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 14,3 nghìn m³, giảm 2,8%; sản lượng củi khai thác đạt 372 ste, giảm 0,8%.

Lâm nghiệp và thủy sản 7 tháng năm 2021
(So với cùng kỳ năm trước)



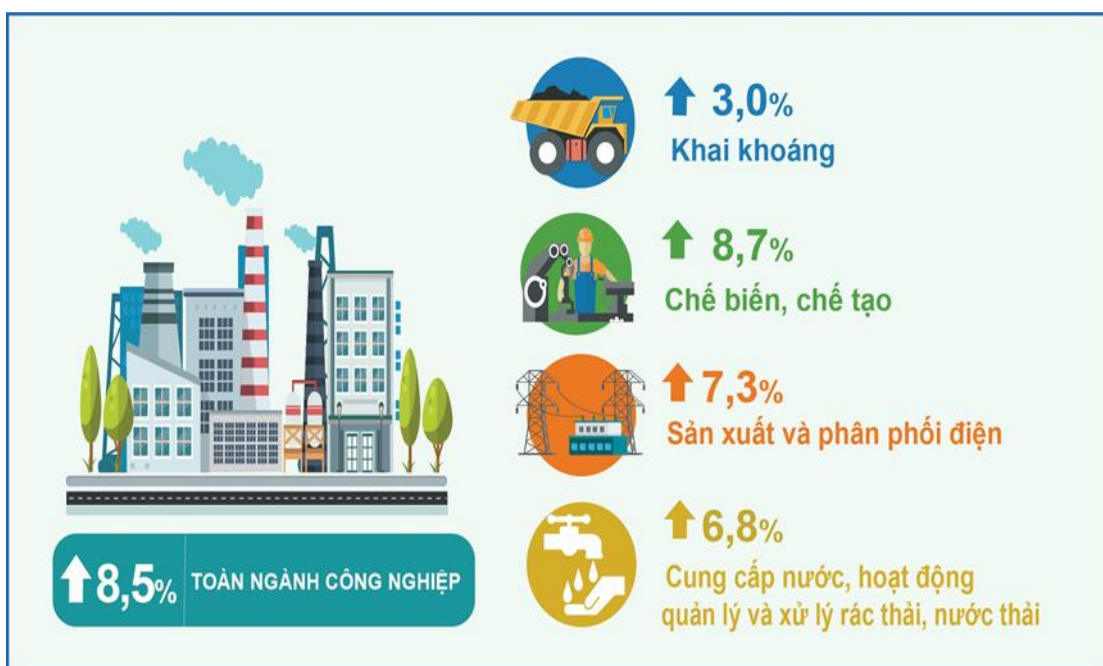
Sản xuất thủy sản: Sản lượng thủy sản trong tháng ước tính đạt 10,1 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu sản lượng cá tăng 3%), trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 9.913 tấn, tăng 3%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 179 tấn, giảm 1,6%. Tính chung 7 tháng năm 2021, sản lượng thủy sản đạt 63,7 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 62,8 nghìn tấn, tăng 3%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 860 tấn, giảm 1,3%.

2. Sản xuất công nghiệp

Trong tháng Bảy, trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, thành phố Hà Nội đã chủ động triển khai các giải pháp cấp bách, nỗ lực khoanh vùng, kiểm soát, khống chế dịch bệnh. Đồng thời xây dựng kịch bản phòng chống dịch, nhất là tại các Khu, cụm công nghiệp để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho công nhân, duy trì hoạt động sản xuất. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Bảy ước tính tăng 1% so với tháng trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,3% và tăng 7,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,5% và tăng 7%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 0,8% và tăng 4,3%; khai khoáng giảm 1,9% và tăng 2%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (7 tháng năm 2020 tăng 4%), trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,7%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,3%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 6,8%; khai khoáng tăng 3%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2021 (So với cùng kỳ năm trước)



Trong 7 tháng năm 2021, hầu hết các ngành chế biến, chế tạo có chỉ số IIP tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành đạt mức tăng cao như: Sản xuất xe có động cơ tăng 22,6%; sản xuất trang phục tăng 22%; sản xuất đồ uống tăng 17,4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 15,2%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 15%; sản xuất thuốc lá tăng 13,1%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 13%; sản xuất điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 11%.

**Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
tháng Bảy và 7 tháng năm 2021**

	<i>Đơn vị tính: %</i>	
	Tháng 7 so với cùng kỳ	7T/2021 so với cùng kỳ
<i>Một số sản phẩm tăng</i>		
Xe có động cơ (trọng tải dưới 5 tấn)	133,3	147,4
Bộ phận tua bin phản lực	176,0	146,6
Sách, vở, giấy thép	193,0	138,1
Quần áo người lớn	132,7	132,7
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	232,6	125,6
Bia các loại	109,7	122,7
<i>Một số sản phẩm giảm</i>		
Thuốc kháng sinh dạng viên	51,0	82,7
Cửa bằng plastic	67,5	82,9
Ghế có khung bằng kim loại	81,6	84,5
Thép không gỉ	83,3	92,4

Tình hình sản xuất của các doanh nghiệp về trang thiết bị y tế phục vụ chống dịch Covid-19: Trên địa bàn Thành phố hiện có 83 doanh nghiệp sản xuất khẩu trang, trong đó có 4 doanh nghiệp sản xuất khẩu trang y tế (lượng cung ứng khoảng 170 nghìn chiếc/ngày); 52 doanh nghiệp sản xuất khẩu trang kháng khuẩn (cung cấp khoảng 2,6 nghìn chiếc/ngày); 27 doanh nghiệp sản xuất khẩu trang vải thông thường. Có 7 doanh nghiệp sản xuất chế phẩm diệt khuẩn; 1 doanh nghiệp sang chiết và 1 doanh nghiệp sản xuất oxy với sản lượng 42 nghìn tấn/năm (có thể nâng lên 60 nghìn tấn/năm). Hiện tại, các doanh nghiệp đang tăng cường sản xuất, dự trữ khẩu trang, nước sát khuẩn và oxy phục vụ cho nhu cầu của thị trường⁴.

⁴ Theo báo cáo ngày 25/7/2021 của Sở Công thương Hà Nội

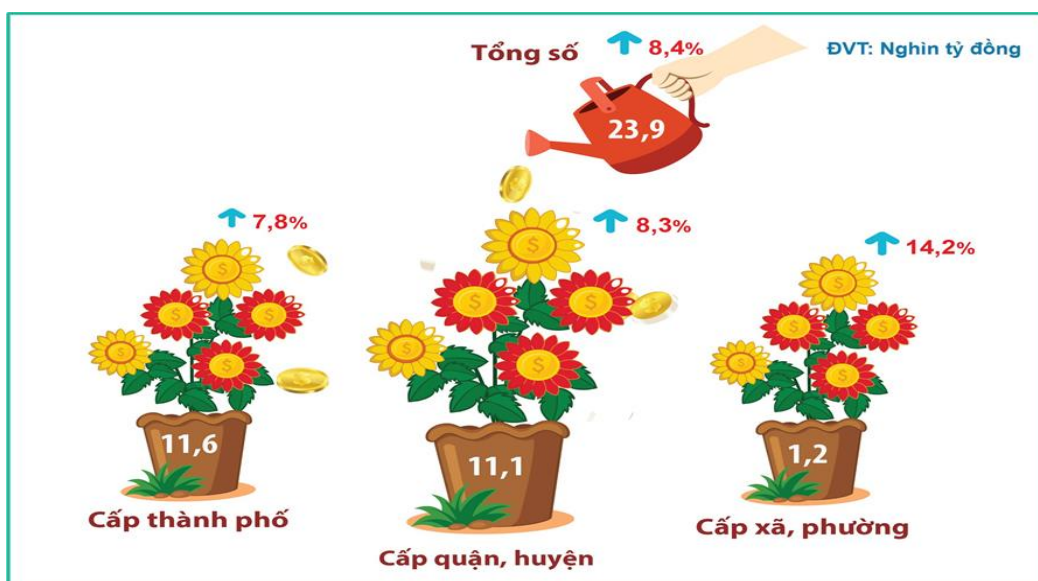
Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp thời điểm cuối tháng Bảy ước tính tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2021, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động đang làm việc trong doanh nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,2%; khu vực Nhà nước giảm 1,8%; khu vực ngoài Nhà nước giảm 2,3%. Chia theo ngành kinh tế, trong 7 tháng năm 2021, lao động đang làm việc trong ngành chế biến, chế tạo tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó lao động ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 28,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 6,6%. Lao động ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt giảm 1,2%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,4%; ngành khai khoáng giảm 43,6%.

3. Đầu tư

3.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Bảy ước tính đạt 4.426 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước và tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng năm 2021, vốn thực hiện đạt 23,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước và bằng 47% kế hoạch năm. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp Thành phố thực hiện 11,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 49,1% kế hoạch năm; vốn ngân sách Nhà nước cấp quận, huyện thực hiện 11,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% và đạt 44,5%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã, phường thực hiện 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng 14,2% và đạt 52,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2021 (So với cùng kỳ năm trước)



Trong 7 tháng năm 2021, bên cạnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 thì những khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị tư vấn, thiết kế chưa đảm bảo, cùng với việc một số dự án phải điều chỉnh thiết kế - dự toán, điều chỉnh quy hoạch đang làm chậm tiến độ thi công một số công trình. Thành phố đã yêu cầu các Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, các Ban quản lý dự án nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; kiểm tra, rà soát giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc trong triển khai dự án; tạo điều kiện cho các nhà thầu thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng; đồng thời, sẵn sàng tháo gỡ kịp thời khi các chủ đầu tư, nhà thầu đề xuất những vướng mắc, bất cập.

Tình hình thực hiện một số dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố

Dự án tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội: Tổng mức đầu tư 32,9 nghìn tỷ đồng. Tiến độ chung của dự án đạt 72,5% (trong đó đoạn trên cao đạt 87,3%); công tác giải phóng mặt bằng các ga ngầm đã cơ bản hoàn thành. Dự án đường sắt đô thị tuyến số 3, đoạn Nhổn - ga Hà Nội có 10 đoàn tàu được chế tạo tại Pháp, đến nay đã có 7 đoàn tàu được đưa về dự án để chạy thử nghiệm, 3 đoàn tàu còn lại sẽ được vận chuyển về nước trong tháng 8/2021 để phục vụ khai thác, vận hành 8,5 km đoạn trên cao Nhổn - Cầu Giấy vào cuối năm.

Dự án đường Vành đai 2 đoạn cầu Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở: Đến nay, dự án đã hoàn thành đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến cầu Mai Động và đoạn từ Ngã Tư Sở đến Ngã Tư Vọng; tiến độ toàn dự án ước đạt trên 70% khối lượng công việc. Hiện dự án đang gấp rút hoàn thành để đảm bảo tiến độ đã đề ra.

Dự án cầu Vĩnh Tuy (giai đoạn 2): Tổng mức đầu tư hơn 2,5 nghìn tỷ đồng. Cầu có tổng chiều dài và đường dẫn hơn 3,4 km. Đến nay, nhà thầu đã hoàn thành công việc khoan nhồi và tiếp tục triển khai hạng mục bê tông cốt thép trong gói thầu. Đây là dự án trọng điểm của Thủ đô trong thời gian tới, các đơn vị đang huy động nhân lực phấn đấu thi công vượt tiến độ của dự án.

Dự án đường Vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến Quốc lộ 32 có tổng chiều dài 5,6 km chạy ngang qua 4 xã thuộc huyện Hoài Đức với tổng mức đầu tư hơn 1 nghìn tỷ đồng. Hiện nhà thầu đang gấp rút hoàn thành dự án.

Dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn: Nằm trong Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn có tổng vốn đầu tư 7 nghìn tỷ đồng, là nhà máy xử lý rác lớn nhất Việt Nam hiện nay, với công suất mỗi ngày xử lý 4 nghìn tấn rác khô (tương đương gần 5,5 nghìn tấn rác các loại). Nhà máy vận hành theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 vận hành vào cuối tháng 5/2021; giai đoạn 2 vận hành vào tháng 7/2021; giai đoạn 3 vận hành vào tháng 9/2021. Dự kiến từ tháng 9 đến tháng 11/2021, sau khi vận hành thử nghiệm, căn chỉnh các hệ thống kỹ thuật sẽ tiến hành hoạt động xử lý rác liên tục tại cả 5 lò đốt.

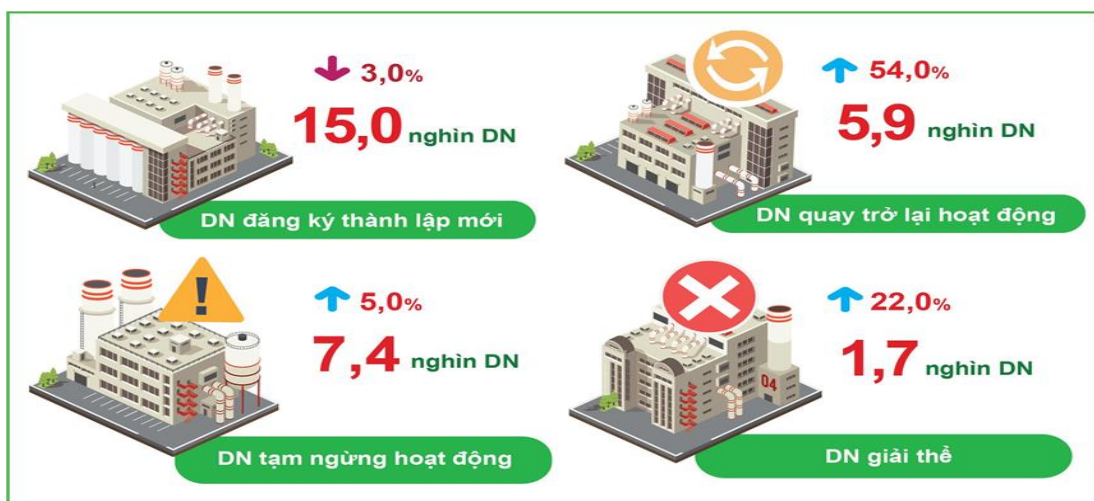
3.2. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Tháng Bảy, thành phố Hà Nội ước tính có 31 dự án FDI được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 22,6 triệu USD. Bên cạnh đó, có 7 dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư với số vốn đầu tư đăng ký đạt 390 nghìn USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần cổ phần 27 lượt, đạt 4,4 triệu USD. Lũy kế 7 tháng năm 2021, toàn Thành phố thu hút 824,2 triệu USD vốn FDI, trong đó đăng ký cấp mới 217 dự án với số vốn đạt 148,6 triệu USD; 78 dự án bổ sung tăng vốn đầu tư với 478,1 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần 294 lượt, đạt 197,5 triệu USD.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Bảy, Thành phố có 1.850 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 35% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 19,4 nghìn tỷ đồng, giảm 42%; thực hiện thủ tục giải thể cho 274 doanh nghiệp, tăng 31%; 1.204 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 54%; 859 doanh nghiệp trở lại hoạt động, tăng 52%. Cộng dồn 7 tháng năm 2021, Hà Nội có 15 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 181,8 nghìn tỷ đồng, giảm 14%; thực hiện thủ tục giải thể cho 1,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 22%; 7,4 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 5%; 5,9 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 54%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Tình hình doanh nghiệp 7 tháng năm 2021
(So với cùng kỳ năm trước)



4. Thương mại, dịch vụ

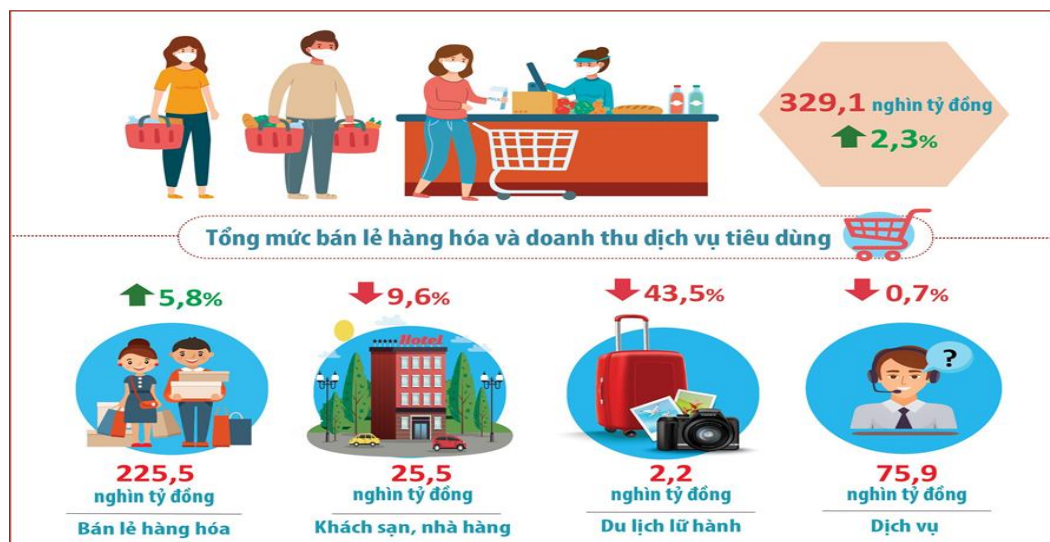
4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng Bảy, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước, trong đó có địa bàn Hà Nội với nhiều ca nhiễm mới xuất hiện ngoài cộng đồng, số lượng các điểm phong tỏa do dịch liên tục tăng. Thành phố khẩn trương

áp dụng các biện pháp cấp bách nhằm ứng phó với dịch: Từ 0h ngày 13/7/2021, dừng tất cả hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, nhà hàng, cơ sở dịch vụ ăn, uống tại chỗ chỉ cho phép bán hàng mang về. Tuy nhiên, diễn biến dịch ngày càng phức tạp, ngày 18/7/2021 UBND Thành phố có Công điện yêu cầu dừng tất cả các hoạt động dịch vụ không thiết yếu; các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh, chợ đầu mối trên địa bàn tổ chức sắp xếp, chỉ bán các mặt hàng thiết yếu. Ngày 24/7/2021, Thành phố thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 trong 15 ngày trên phạm vi toàn Thành phố theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Bảy ước tính đạt 41,4 nghìn tỷ đồng, giảm 7% so với tháng trước và giảm 19,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 29,3 nghìn tỷ đồng, giảm 7,9% và giảm 10,6%; doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, giảm 8,5% và giảm 54,2%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 178 tỷ đồng, giảm 1,2% và giảm 78,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 9,6 nghìn tỷ đồng, giảm 3,8% và giảm 25,2%. Tính chung 7 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 329,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 225,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 68,5% tổng mức và tăng 5,8% (doanh thu xăng, dầu tăng 15,9%; nhiên liệu tăng 22%; hàng may mặc tăng 4,9%; lương thực, thực phẩm tăng 3,2%). Doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 25,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 7,7% và giảm 9,6% (doanh thu dịch vụ lưu trú giảm 40,9%; dịch vụ ăn uống giảm 6,5%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,7% và giảm 43,5%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 75,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,1% và giảm 0,7%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2021 (So với cùng kỳ năm trước)



Công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ nhân dân phòng, chống dịch Covid-19: Thành phố Hà Nội đã có kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng lượng hàng hóa trong 17 nhóm hàng thiết yếu tại thời điểm có dịch, tăng gấp 3 lần so với tháng thường. Theo đó, lượng hàng hóa chuẩn bị phục vụ nhân dân trên địa bàn trong 03 tháng khoảng 194 nghìn tỷ đồng; lượng hàng hóa dự kiến hỗ trợ cho các tỉnh, thành phố (nếu có) khoảng 21,5 nghìn tỷ đồng. Xây dựng kịch bản theo 3 cấp độ lây lan của dịch phục vụ nhân dân tại các khu vực cách ly, phong tỏa⁵. Thành phố đã rà soát, bố trí sẵn sàng 1.920 địa điểm tại các quận, huyện làm kho dự trữ hàng, các điểm bán hàng lưu động khi cần thiết, huy động 236 xe trung dụng tại các quận, huyện đưa hàng kịp thời đến các điểm bán. Thông tin về các điểm bán hàng đến người dân trên địa bàn Thành phố để thuận tiện trong việc mua sắm hàng hóa.

Theo báo cáo của các doanh nghiệp, hiện tại đa số các doanh nghiệp đã dự trữ tăng từ 30%-50% lượng hàng hóa thiết yếu, các hệ thống phân phối lớn đã tăng cường lương thực, thực phẩm nhiều hơn (hệ thống Vinmart tăng gấp 3-5 lần lượng hàng; hệ thống BRG tăng gấp 3 lần đối với 13 mặt hàng thiết yếu); Mặt hàng thực phẩm tươi sống (rau, thịt, cá ...) đảm bảo đủ lượng hàng hóa cung ứng liên tục từ 9-15 ngày, các mặt hàng khác đảm bảo cung ứng liên tục từ 30-45 ngày kể cả khi sức mua tăng gấp 2, 3 lần so với bình thường. Đồng thời, để lưu thông hàng hóa, doanh nghiệp đã bố trí đầy đủ phương tiện, nguồn nhân lực, sẵn sàng vận chuyển hàng hóa đến các điểm bán xuyên đêm; các doanh nghiệp sẵn sàng mở cửa thêm giờ, cam kết đảm bảo đủ lượng hàng phục vụ người dân ngay cả khi nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

Nhờ có sự chuẩn bị sẵn sàng về hàng hóa, nhân lực và công tác tuyên truyền, sau khi xuất hiện hiện tượng tăng mua đột biến tại các hệ thống bán lẻ vào tối ngày 18/7/2021 (lượng hàng hóa bán ra tăng từ 1,5 đến 3 lần so với bình thường, tập trung vào các mặt hàng thực phẩm tươi sống như rau, thịt, mỳ tôm). Từ sáng ngày 19/7/2021, các doanh nghiệp đã tăng cường nhiều hơn các mặt hàng tươi sống đến các điểm bán nên lượng mua sắm đã trở lại như bình thường, không xảy ra hiện tượng tăng giá và tâm lý dự trữ lương thực, thực phẩm của người dân những ngày cuối tháng Bảy.

4.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Bảy ước tính đạt 1.411 triệu USD, giảm 0,5% so với tháng trước và giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 878 triệu USD, tăng 5% và giảm 9,3%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 533 triệu USD, giảm 8,4% và tăng 0,3%.

⁵ Cấp độ 1 (từ 20 đến dưới 1.000 trường hợp mắc bệnh) với tổng trị giá lượng hàng hóa là 314 tỷ đồng; cấp độ 2 (từ 1.000 đến 3.000 trường hợp mắc) là 1.049 tỷ đồng; cấp độ 3 (từ trên 3.000 đến 30.000 trường hợp mắc) là 5.359 tỷ đồng.

Trong tháng Bảy, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Hàng dệt, may đạt 243 triệu USD, tăng 18,4%; máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 219 triệu USD, tăng 69,7%; phương tiện vận tải đạt 187 triệu USD, gấp 2,7 lần cùng kỳ; gỗ và sản phẩm từ gỗ đạt 72 triệu USD, tăng 81,7%; xăng, dầu đạt 55 triệu USD, gấp 2,5 lần; điện thoại và linh kiện đạt 27 triệu USD, tăng 40,8%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ như: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 191 triệu USD, giảm 21,9%; hàng hóa khác đạt 263 triệu USD, giảm 58,2%.

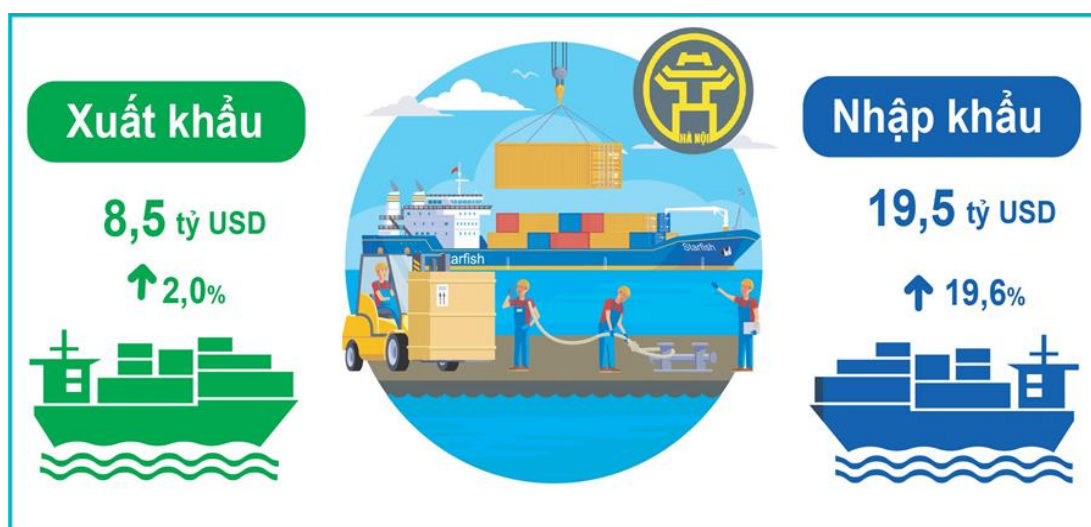
Tính chung 7 tháng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 8.518 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 4.875 triệu USD, giảm 4,3%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3.643 triệu USD, tăng 11,7%. Đa số các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu 7 tháng tăng so với cùng kỳ như: Điện thoại và linh kiện đạt 205 triệu USD, tăng 93,8%; giày dép đạt 207 triệu USD, tăng 41,1%; máy móc, thiết bị phụ tùng đạt 1.186 triệu USD, tăng 33,7%; hàng dệt, may đạt 1.184 triệu USD, tăng 13,7%. Một số nhóm hàng giảm so với cùng kỳ như: Hàng nông sản đạt 446 triệu USD, giảm 11% (trong đó: Gạo giảm 27,7% và cà phê giảm 10,3%); xăng, dầu đạt 341 triệu USD, giảm 20,5%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 1.083 triệu USD, giảm 13,5%; hàng hóa khác đạt 2.254 triệu USD, giảm 17,6%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy ước tính đạt 2.855 triệu USD, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 2.250 triệu USD, tăng 1,6% và tăng 10,8%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 605 triệu USD, tăng 2,7% và tăng 17,9%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Vải đạt 95 triệu USD, tăng 71,5%; sản phẩm hóa chất đạt 82 triệu USD, tăng 58,6%; kim loại đạt 113 triệu USD, tăng 57,1%; thức ăn gia súc đạt 74 triệu USD, tăng 40%; chất dẻo đạt 130 triệu USD, tăng 39,8%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 166 triệu USD, tăng 31,6%; máy móc, thiết bị phụ tùng đạt 511 triệu USD, tăng 16,6%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tháng Bảy giảm so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 189 triệu USD, giảm 8,5%; xăng dầu đạt 142 triệu USD, giảm 39,2%.

Tính chung 7 tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 19,5 tỷ USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,3 tỷ USD, tăng 20,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 4,2 tỷ USD, tăng 16,8%. Một số nhóm hàng có giá trị nhập khẩu lớn như: Máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 3.691 triệu USD, tăng 26,7%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1.492 triệu USD, tăng 86,6%; máy vi tính, hàng điện tử và

linh kiện đạt 1.389 triệu USD, tăng 14,2%; sắt thép đạt 897 triệu USD, tăng 10,7%; chất dẻo đạt 823 triệu USD, tăng 28,3%. Riêng nhóm xăng dầu đạt 1.074 triệu USD, giảm 13,1%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2021
(So với cùng kỳ năm trước)



4.3. Vận tải và bưu chính chuyển phát

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương, từ 0h ngày 18/7/2021 Hà Nội tạm dừng hoạt động vận tải hành khách công cộng đường bộ đến 37 tỉnh, thành phố và ngược lại (trong đó có 14 tỉnh, thành phố đã dừng hoạt động từ ngày 08/7/2021). Trừ các trường hợp vì lý do công vụ; xe chuyên chở nguyên vật liệu sản xuất, hàng hóa; xe chở chuyên gia, cán bộ, công nhân viên, người lao động của các cơ quan, khu công nghiệp, khu chế xuất được phép hoạt động.

Vận chuyển hành khách: Trong tháng Bảy, số lượt hành khách vận chuyển ước tính đạt 14,4 triệu lượt hành khách, giảm 17,9% so với tháng trước và giảm 26,6% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước tính đạt 622 triệu lượt hành khách.km, giảm 16,7% và giảm 26,1%; doanh thu ước tính đạt 887 tỷ đồng, giảm 16,7% và giảm 28,9%. Tính chung 7 tháng, số lượt hành khách vận chuyển đạt 188,2 triệu lượt hành khách, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 5.253 triệu lượt hành khách.km, tăng 0,5%; doanh thu đạt 9,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5%.

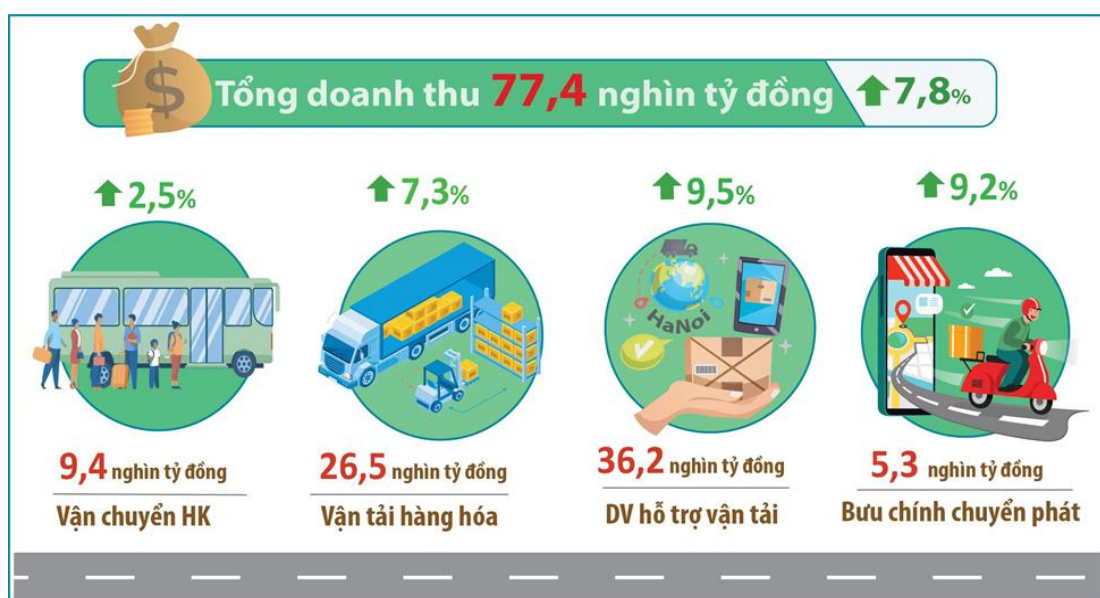
Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Bảy ước tính đạt 73,8 triệu tấn, tăng 2,1% so với tháng trước và tương đương cùng kỳ năm 2020; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 6.430 triệu tấn.km, tăng 5,3% và giảm 8,8%; doanh thu ước tính đạt 3.890 tỷ đồng, tăng 2,5% và giảm

4,8%. Tính chung 7 tháng, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 508 triệu tấn, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 44,7 tỷ tấn.km, tăng 2,1%; doanh thu đạt 26,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3%.

Doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải ước tính tháng Bảy đạt 5.196 tỷ đồng, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng, doanh thu ước đạt 36,2 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5%.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát ước tính tháng Bảy đạt 765 tỷ đồng, giảm 2,7% so với tháng trước và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng, doanh thu ước đạt 5,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát 7 tháng năm 2021 (So với cùng kỳ năm trước)



4.4. Du lịch

Đến nay, để đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19, Việt Nam chưa mở cửa đón khách du lịch quốc tế. Khách quốc tế đến Hà Nội trong thời gian qua, chủ yếu là chuyên gia, người lao động lưu lại tại các địa phương của Việt Nam đến Hà Nội tham quan, làm việc. Trong tháng Bảy, khách quốc tế đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ) ước tính đạt 15 nghìn lượt khách, tăng 31,5% so với tháng trước và giảm 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng, khách quốc tế đến Hà Nội ước đạt 116,1 nghìn lượt khách, giảm 83,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hàn Quốc đạt 41,6 nghìn lượt khách, giảm 64,9%; Nhật Bản đạt 14,8 nghìn lượt khách, giảm 73,3%; Trung Quốc đạt 14,8 nghìn lượt khách, giảm 71,7%; Mỹ đạt 5,1 nghìn lượt khách, giảm 89,9%; Đài Loan đạt 3,5 nghìn lượt khách, giảm 89,3%.

Trong tháng, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, thành phố Hà Nội tạm dừng không mở cửa đón khách tham quan tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn; tăng cường kiểm soát người ra vào Thành phố, khách du lịch trong nước cũng giảm mạnh. Khách trong nước đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ) tháng Bảy ước tính đạt 10 nghìn lượt khách, giảm 28,6% so với tháng trước và giảm 71,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng, khách trong nước đến Hà Nội đạt 1.256 nghìn lượt khách, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Bảy tăng 0,73% so với tháng trước, tăng 2,15% so với tháng 12/2020 và tăng 2,28% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 7 tháng năm 2021 tăng 1,30% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng Bảy, có 5/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước, trong đó: Cao nhất là nhóm giao thông tăng 2,3% (tác động làm tăng CPI chung 0,23%) do trong tháng, giá xăng, dầu điều chỉnh tăng vào ngày 12/7/2021 và giảm nhẹ vào ngày 27/7/2021 (giá xăng tăng 7,07%; dầu diesel tăng 6,96%). Tiếp theo là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,09% (tác động làm tăng CPI chung 0,42%) do giá gas đun, giá dầu tăng mạnh; bên cạnh đó, miền Bắc vẫn nắng nóng làm sản lượng tiêu thụ điện sinh hoạt tăng cao khiến chỉ số giá điện tăng 6,76%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,3%, chủ yếu là tăng ở nhóm thực phẩm (tăng 0,48%) do một số mặt hàng như trứng, các loại rau khô chế biến và rau, củ vụ đông tăng giá (giá thịt lợn, thịt bò, thịt gia cầm ổn định). Các nhóm còn lại có chỉ số tăng nhẹ và bằng tháng trước: Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,04%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; bưu chính viễn thông và giáo dục chỉ số giá bằng tháng trước. Có 4/11 nhóm hàng có chỉ số CPI giảm nhẹ so với tháng trước là: Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,17%; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,08%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,05%; đồ uống và thuốc lá 0,03%.

Trong 7 tháng năm nay, một số nhóm hàng có chỉ số CPI bình quân tăng cao so với bình quân cùng kỳ: Nhóm giao thông tăng 6,32%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,12%; giáo dục tăng 2,71%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,57%... Có 3/11 nhóm hàng CPI bình quân 7 tháng năm 2021 giảm so với bình quân cùng kỳ: Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 2,79%; bưu chính, viễn thông giảm 1,09%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,4%.

Chỉ số giá vàng tháng Bảy giảm 2,4% so với tháng trước, giảm 3,72% so với tháng 12/2020 và tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2021, chỉ số giá vàng tăng 15,21% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Bảy tương đương tháng trước, giảm 0,51% so với tháng 12/2020 và giảm 0,76% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2021, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,94% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Bảy và bình quân 7 tháng năm 2021



6. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

6.1. Thu, chi ngân sách⁶

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 7 tháng năm 2021 ước thực hiện 152,1 nghìn tỷ đồng, đạt 64,6% dự toán Trung ương giao (đạt 60,6% dự toán Thành phố giao) và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2020 (nếu tính cả 12,3 nghìn tỷ đồng số thu được gia hạn trong 7 tháng năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ thì tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện 7 tháng là 164,4 nghìn tỷ đồng, đạt 69,8% dự toán Trung ương giao và 65,4% dự toán Thành phố giao, tăng 10,1% cùng kỳ), trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 12,7 nghìn tỷ đồng, đạt 68,4% dự toán và tăng 22,3% so với cùng kỳ; thu từ dầu thô là 836 tỷ đồng, đạt 66,9% dự toán và giảm 53,2%; thu nội địa là 138,6 nghìn tỷ đồng, đạt 64,3% dự toán Trung ương giao (đạt 59,9% dự toán Thành phố giao) và tăng 12,8% (nếu tính cả 12,3 nghìn tỷ đồng số thu được gia hạn trong 7 tháng năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ thì tổng thu nội địa ước thực hiện 7 tháng là 150,9 nghìn tỷ đồng, đạt 70% dự toán Trung ương giao và 65,2% dự toán Thành phố giao, tăng 10% so với cùng kỳ).

⁶ Theo báo cáo ngày 25/7/2021 của Sở Tài chính

Một số lĩnh vực chủ yếu 7 tháng năm 2021: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước ước thực hiện 34,2 nghìn tỷ đồng, đạt 68,7% dự toán pháp lệnh và tăng 27,7% so với cùng kỳ năm 2020; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 15 nghìn tỷ đồng, đạt 73,1% và tăng 27,5%; thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 33,1 nghìn tỷ đồng, đạt 66,2% và tăng 44,6%; thuế thu nhập cá nhân 19,8 nghìn tỷ đồng, đạt 80,2% và tăng 13,1%; thu tiền sử dụng đất 9,6 nghìn tỷ đồng, đạt 48% và giảm 20,5%; thu lệ phí trước bạ 4,7 nghìn tỷ đồng, đạt 65,6% và tăng 27,3%; thu phí và lệ phí 9,3 nghìn tỷ đồng, đạt 54,4% và tăng 3,1%.

Chi ngân sách địa phương 7 tháng năm 2021 ước thực hiện là 35,4 nghìn tỷ đồng, đạt 32,6% dự toán và bằng 94,8% cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 12,2 nghìn tỷ đồng, đạt 23,7% dự toán và bằng 83%; chi thường xuyên là 23,2 nghìn tỷ đồng, đạt 49% và tăng 2,4%.

6.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mặt bằng lãi suất trên địa bàn đã được các tổ chức tín dụng (TCTD) điều chỉnh giảm nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và cá nhân tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp hơn. Lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,1-3,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,0-6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,6-6,8%/năm. Lãi suất huy động USD của TCTD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

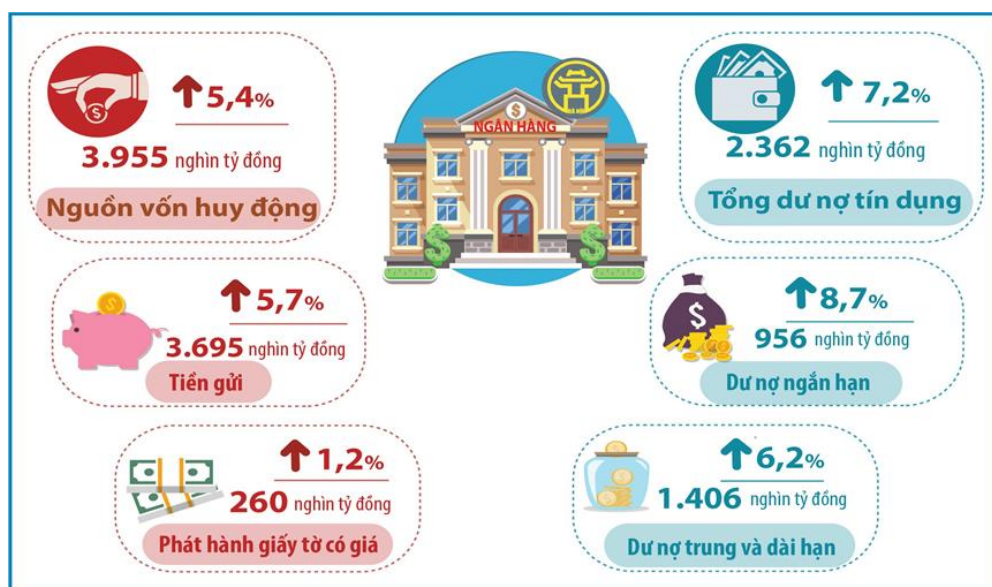
Mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND của TCTD phổ biến ở mức 5,5-8,0%/năm đối với ngắn hạn; 7,5-9,5%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) ở mức 4,5%/năm.

Hoạt động huy động vốn: Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp huy động vốn nhằm đảm bảo đáp ứng thực hiện cấp tín dụng và chấp hành các quy định của pháp luật về tỷ lệ an toàn giữa nguồn vốn huy động và nguồn vốn cho vay. Tính đến hết Tháng Bảy, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố ước tính đạt 3.955 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 5,4% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Trong đó, tiền gửi VND đạt 3.284 nghìn tỷ đồng, tăng 6,4% so với thời điểm kết thúc năm 2020; tiền gửi ngoại tệ đạt 412 tỷ đồng, tăng 0,8%; tiền gửi tiết kiệm đạt 1.507 nghìn tỷ đồng, tăng 5,3%; tiền gửi thanh toán đạt 2.188 nghìn tỷ đồng, tăng 6%.

Hoạt động tín dụng: Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay phù hợp quy định của NHNN và xem xét cho khách hàng vay vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến hết Tháng Bảy, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 2.362 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 7,2% so với thời điểm kết thúc năm 2020, trong đó dư nợ cho vay đạt 2.147 nghìn tỷ đồng (chiếm 90,9% trong tổng dư nợ), tăng 1,4% và tăng 7,9%. Cho vay theo kỳ hạn, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 956 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và 8,7% so với thời điểm kết thúc năm 2020; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 1.406 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% và tăng 6,2%.

Các tổ chức tín dụng tích cực nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro thông qua việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm nhằm phát hiện các khoản vay có vấn đề trước khi phát sinh tình trạng nợ xấu. Tính đến hết Tháng Bảy, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,9% trong tổng dư nợ và 2,1% trong tổng dư nợ cho vay.

**Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng 7/2021
(So với thời điểm cuối năm 2020)**



6.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết Tháng Sáu, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.266 doanh nghiệp niêm yết và đăng ký giao dịch, trong đó HNX có 359 doanh nghiệp và Upcom có 907 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 529 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó

HNX đạt 148 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% và tăng 8,1%; Upcom đạt 381 nghìn tỷ đồng, tăng 0,3% và giảm 2,3%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch cuối của Tháng Sáu đạt 1.554 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 52,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 404 nghìn tỷ đồng, tăng 2,8% và tăng 98%; Upcom đạt 1.150 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% và tăng 40,9%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tháng Sáu khối lượng giao dịch đạt 3.655 triệu CP được chuyển nhượng, tăng 35,4% so với tháng trước và gấp 2,3 lần cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch đạt 87 nghìn tỷ đồng, tăng 49,6 % và gấp 5,5 lần. Trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 3.429 triệu CP, tăng 37,5% và gấp 2,3 lần; giá trị đạt 81 nghìn tỷ đồng, tăng 51,2% và gấp 5,7 lần. Tính chung 6 tháng đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 18 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 338 nghìn tỷ đồng, gấp 2,7 lần về khối lượng và gấp 5 lần về giá trị cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Sáu, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp mới được 297 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 17 mã giao dịch; cá nhân 280 mã giao dịch), giảm 26,3% so với tháng trước và tăng 16,9 % so với cùng kỳ năm trước. Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới trong tháng Sáu đạt 142 nghìn tài khoản.

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội

Giải quyết việc làm: Tháng Bảy, toàn Thành phố giải quyết việc làm cho trên 13,6 nghìn lao động. Thành phố tổ chức thành công 22 phiên giao dịch việc làm với 605 lượt đơn vị, doanh nghiệp tham gia và gần 3,4 nghìn lượt lao động được phỏng vấn, kết quả có gần 1,2 nghìn người được tuyển dụng sau khi kết thúc phiên giao dịch. Thành phố đã ra quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho hơn 7,7 nghìn người với số tiền 181,1 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 29 người với số tiền 112,5 triệu đồng.

Bảo đảm an sinh xã hội: Trong tháng Bảy, công tác đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội tiếp tục được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện. Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 2.374 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân người có công với kinh phí trên 8,2 tỷ đồng. Nhân dịp kỷ niệm 74 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7, Thành phố cùng các sở, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã đã tổ chức nhiều hoạt động tri ân những cống hiến to lớn của các Anh hùng liệt sỹ, thương binh và người có công với cách mạng; Thành đoàn Hà Nội tổ chức Lễ thắp nến tri ân tại nghĩa trang Mai Dịch. Cũng nhân dịp này, các Đoàn lãnh đạo Trung ương, Thành phố đã

đến thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách tại một số quận, huyện: Ba Đình, Long Biên, Hoàng Mai, Hà Đông, Phúc Thọ, Đan Phượng, Sơn Tây.

Trong tháng, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại các trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND Thành phố Hà Nội đã có Công văn số 6851/VP-KGVX chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương thành lập Tổ công tác triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; đồng thời phân công cụ thể chi tiết nhiệm vụ cho các thành viên tổ công tác nghiên cứu trước để có từng bước xây dựng hướng dẫn chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ kịp thời hiệu quả.

7.2. Văn hóa thông tin, thể thao

Trong thời gian qua, trước diễn biến nhanh và phức tạp của dịch Covid-19, Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan báo chí, các ngành, đơn vị và UBND quận, huyện, thị xã tập trung kịp thời tuyên truyền bằng nhiều hình thức tới người dân các quy định về phòng, chống dịch nhằm nâng cao ý thức của người dân trong phòng, chống dịch Covid-19.

Trong tháng Bảy, đoàn thể thao Việt Nam tham dự Thế vận hội Olympic Tokyo 2020 tại Nhật Bản, thể thao Hà Nội có 4 vận động viên tham gia thi đấu ở các nội dung: Bắn cung, rowing, thể dục dụng cụ và boxing.

7.3. Giáo dục

Tháng Bảy, Thành phố đã tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đảm bảo chất lượng và an toàn với 188 điểm thi, 4.235 phòng thi và huy động gần 15 nghìn cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức kỳ thi trên địa bàn 30 quận, huyện, thị xã. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm nay, toàn Thành phố có trên 101,3 nghìn thí sinh đăng ký dự thi, trong đó có 90,6 nghìn thí sinh THPT và 10,7 nghìn hệ Giáo dục Thường xuyên (tăng 22,1 nghìn thí sinh so với năm 2020). Công tác tổ chức kỳ thi được chuẩn bị nghiêm túc, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch. Công tác xét nghiệm nhanh Covid-19 cho các cán bộ coi thi cũng như phương án phòng dịch cho các thí sinh tham dự kỳ thi được thực hiện nghiêm túc trước, trong và sau khi kỳ thi diễn ra.

Trong tháng Bảy, Thành phố triển khai công tác tuyển sinh trực tuyến vào trường mầm non, lớp 1 và lớp 6. Tuy nhiên, dịch Covid-19 tiếp tục có diễn biến

phức tạp, khó lường vào giai đoạn cao điểm tuyển sinh nhưng với tinh thần chủ động trong mọi tình huống và bằng sự chuyển đổi số mạnh mẽ, quyết liệt nên công tác tuyển sinh đầu cấp tại Hà Nội vẫn từng bước được thực hiện theo đúng tiến độ. Năm nay là năm thứ 6 thành phố Hà Nội triển khai tuyển sinh đầu cấp theo hình thức trực tuyến, là năm ghi nhận số hồ sơ đăng ký trực tuyến có tỷ lệ cao nhất. Tính đến ngày 15/7/2021, có 128,9 nghìn hồ sơ đã đăng ký thành công tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1 năm học 2021-2022 (đạt 87,4% số hồ sơ phân tuyến đăng ký); 96,1 nghìn hồ sơ đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công vào lớp 6 năm học 2021-2022 (đạt 77%).

7.4. Tình hình phòng, chống dịch Covid-19

Trong tháng Bảy, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên Thế giới và trong nước. Số ca mắc mới tăng cao ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Tại Hà Nội, tình hình dịch trong tầm kiểm soát, nhưng nguy cơ đang ở mức rất cao và khó lường. Để ngăn chặn dịch hiệu quả, Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19 Thành phố yêu cầu các cấp, ngành và các quận, huyện, thị xã tiếp tục tập trung cao nhất cho công tác phòng, chống dịch, xác định nhiệm vụ ưu tiên số một là phòng, chống dịch Covid-19, coi bảo vệ sức khỏe và an toàn tính mạng người dân là trên hết, trước hết; phát huy tối đa ý chí tự lực, tự cường, “chống dịch như chống giặc”; quyết tâm bảo vệ Thủ đô không để dịch diễn biến xấu, bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương, Thành phố, các Khu công nghiệp, cơ sở y tế... giữ an toàn từng cá nhân, cơ quan, gia đình, ngõ phố, khu dân cư, thôn, tổ dân phố trên địa bàn. Để tăng cường công tác kiểm soát tốt dịch bệnh, từ 6h0 ngày 14/7/2021 Thành phố đã thiết lập 22 chốt kiểm dịch tại các cửa ngõ lớn để kiểm soát toàn bộ phương tiện, người dân vào Thành phố. Thực hiện nghiêm và hiệu quả việc tổ chức cách ly tập trung tại các địa điểm cách ly tập trung đối với toàn bộ người về từ các địa phương có dịch.

Trước những diễn biến dịch Covid-19 phức tạp trên địa bàn Thành phố và các địa phương trên cả nước, với chủng vi rút Delta có tốc độ lây lan nhanh, phức tạp và nguy hiểm. Quán triệt quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch và kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy ngày 23/7/2021, để đảm bảo an toàn cho Thủ đô, sức khỏe của Nhân dân là trên hết, trước hết, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23/7/2021 về thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19 trong vòng 15 ngày kể từ 6h0 ngày 24/7/2021 trên phạm vi toàn Thành phố theo nguyên tắc Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong đợt dịch lần thứ tư, tính từ ngày 27/4 đến 18h ngày 25/7/2021, trên địa bàn Thành phố ghi nhận 970 trường hợp mắc Covid-19, trong đó có 444 ca phát hiện ngoài cộng đồng tại 26 quận, huyện; 286 ca F0 là trường hợp đã được

cách ly tập trung; 199 ca mắc trong bệnh viện Trung ương, 09 ca nhân viên y tế và 32 người nhập cảnh đã được cách ly tập trung; có 9.283 trường hợp F1; 55.872 trường hợp F2.

Cộng dồn từ đầu năm 2021 đến 18h ngày 25/7/2021, thành phố Hà Nội ghi nhận 1.032 ca mắc Covid-19, trong đó tại cộng đồng là 767 ca, 66 trường hợp nhập cảnh và 199 trường hợp mắc tại các Bệnh viện đã được khoanh vùng cách ly. Hiện nay, cách ly tập trung 6.099 người, trong đó khu cách ly tập trung F1 là 4.441 người; khu cách ly tập trung do quân đội quản lý 445 người, khu cách ly tại khách sạn 1.101 người, khu cách ly dành cho tổ bay 112 người. Đang điều trị cho 389 trường hợp F0, trong đó 33 trường hợp tại bệnh viện Bắc Thăng Long; 154 trường hợp tại bệnh viện Đức Giang, 80 trường hợp tại bệnh viện Thanh Nhàn, 99 trường hợp tại bệnh viện Hà Đông và 20 trường hợp tại bệnh viện Gia Lâm.

Với mục tiêu phát hiện sớm ca bệnh tại cộng đồng, khoanh vùng nhanh, xử lý ổ dịch kịp thời, triệt để nhằm khống chế ổ dịch ngay khi mới xuất hiện bệnh nhân đầu tiên. Thành phố đã tăng cường triển khai công tác xét nghiệm và tiêm phòng vắc xin. Thành phố chủ trương đẩy mạnh tiêm vắc xin ngừa Covid-19 cho nhân dân Thủ đô để đảm bảo hiệu quả chống dịch cao nhất. Đến nay, đã tiếp nhận, sử dụng vắc xin phòng Covid-19 cho nhóm đối tượng ưu tiên theo Nghị quyết 21/NQ-CP của Chính phủ, cộng dồn từ đầu năm 2021 đến nay, toàn Thành phố đã tiêm được 233,7 nghìn mũi tiêm; đồng thời tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho người dân trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2022.

7.5. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Bảy (từ 15/6/2021 đến 14/7/2021) trên địa bàn Hà Nội như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng đã phát hiện 246 vụ phạm pháp hình sự, giảm 1,2% so với tháng trước, trong đó có 208 vụ do công an khám phá được, giảm 3,7%. Số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật là 338 đối tượng, giảm 28,1%. Phát hiện, bắt giữ 203 vụ tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, giảm 4,2% so với tháng trước, số đối tượng phạm pháp là 220 đối tượng giảm 4,3%, thu nộp ngân sách 142,2 tỷ đồng.

Tệ nạn xã hội: Trong tháng đã phát hiện 38 vụ cờ bạc; bắt giữ 166 đối tượng, giảm 10,3%. Tổng số vụ tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện trong tháng là 441 vụ, tăng 37,8% so với tháng trước, bắt giữ 680 đối tượng, tăng 44,7%. Trong đó, xử lý hình sự 374 vụ với 485 đối tượng, tăng 45,5% về số vụ và tăng 49,7% về số đối tượng. Số vụ mại dâm bị phát hiện là 8 vụ, bắt giữ 9 đối tượng.

Tai nạn giao thông: Trong tháng, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 82 vụ tai nạn giao thông đường bộ và 4 vụ tai nạn giao thông đường sắt làm chết 47 người và bị thương 56 người. Trong các vụ tai nạn có 1 vụ đặc biệt nghiêm trọng làm 3 người chết, có 3 vụ rất nghiêm trọng làm 6 người chết, 38 vụ nghiêm trọng làm chết 38 người và bị thương 12 người. Số vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm có 44 vụ với 44 người bị thương.

Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ: Trong tháng, số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường bị phát hiện là 572 vụ với 577 đối tượng; số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường bị xử lý là 540 vụ với 556 đối tượng; thu nộp ngân sách hơn 2,3 tỷ đồng.

Cũng trong tháng Bảy, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 35 vụ cháy không gây thiệt hại về người nhưng gây thiệt hại về tài sản ước tính giá trị ban đầu gần 300 triệu đồng. Cụ thể có 01 vụ cháy lớn chưa xác định được thiệt hại về tài sản, 15 vụ cháy trung bình, 19 vụ cháy nhỏ./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Quận ủy, Huyện ủy, Thị ủy;
- UBND Quận, huyện, thị xã;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Đậu Ngọc Hùng

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 7 tháng năm 2021

	Đơn vị tính	Ước tính 7 tháng năm 2021	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	108,5
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	23872	108,4
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	1720052	103,7
4. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	329146	102,3
5. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	8518	102,0
6. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	19508	119,6
7. Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Tỷ đồng	77402	107,8
8. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	Lượt người	1372036	65,4
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Lượt người</i>	<i>116136</i>	<i>16,3</i>
9. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	101,3
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	152176	112,7
11. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	35380	94,8

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 7 năm 2021

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
TRỒNG TRỌT			
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)			
Lúa mùa	78800	76364	96,9
Ngô	12287	12471	101,5
Khoai lang	1770	1450	81,9
Đậu tương	2439	1719	70,5
Lạc	2039	2041	100,1
Rau các loại	29593	29969	101,3
Đậu các loại	440	395	89,8
CHĂN NUÔI			
Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)			
Trâu	1019	1073	105,3
Bò	6244	6266	100,4
Lợn	122215	127151	104,0
Gia cầm	88972	94869	106,6

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	%			
	Tháng 6 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 7 năm 2021 so với tháng trước	Tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	105,2	101,0	107,8	108,5
Khai khoáng	101,5	98,1	102,0	103,0
Khai khoáng khác	101,5	98,1	102,0	103,0
Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,7	100,3	107,9	108,7
Sản xuất chế biến thực phẩm	88,6	103,0	92,5	101,1
Sản xuất đồ uống	97,2	112,3	106,8	117,4
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	114,0	92,8	102,3	113,1
Dệt	92,8	97,8	122,6	105,0
Sản xuất trang phục	131,8	98,1	144,6	122,0
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	91,2	92,6	93,7	102,7
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	118,2	101,3	117,6	115,2
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	111,5	95,7	110,3	115,0
In, sao chụp bản ghi các loại	118,9	98,7	115,8	110,7
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	101,5	103,6	99,2	113,0
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	94,6	103,7	82,2	97,0
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	85,2	98,5	83,0	96,6
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	102,9	102,6	122,6	110,5
Sản xuất kim loại	84,6	99,1	87,6	101,3
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	99,4	99,2	102,1	102,4
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	110,7	94,4	94,6	111,0
Sản xuất thiết bị điện	109,4	102,3	109,7	110,0
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	103,0	99,7	95,1	109,3
Sản xuất xe có động cơ	127,4	99,9	139,2	122,6
Sản xuất phương tiện vận tải khác	102,5	102,7	109,4	106,9
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	95,4	100,2	103,7	106,5
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	105,7	103,2	107,5	105,6
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	98,7	88,6	82,9	101,4

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Tiếp)

	%			
	Tháng 6 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 7 năm 2021 so với tháng trước	Tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	112,4	109,5	107,0	107,3
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	112,4	109,5	107,0	107,3
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	105,4	100,8	104,3	106,8
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	106,1	100,2	102,0	105,6
Thoát nước và xử lý nước thải	105,9	100,1	116,6	108,0
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	104,2	101,7	102,0	107,5

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 7	7 tháng
					năm	năm
					2021	2021
Đá xây dựng	1000 M3	486	477	3718	102,0	103,0
Sữa và kem chưa cô đặc	1000 Lít	7639	7686	52525	60,5	104,3
Sữa và kem dạng bột	Tấn	248	256	1048	136,2	94,9
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	3241	3406	25198	112,8	116,2
Bia các loại	1000 Lít	41229	45139	238204	109,7	122,7
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	148	137	983	102,3	113,1
Quần áo người lớn	1000 Cái	1712	1762	12177	132,7	132,7
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	1000 Cái	3492	3333	21191	174,9	120,4
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	7386	7477	49958	115,9	122,1
Giày, dép	1000 Đôi	1683	1553	11722	103,6	110,0
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	6735	6772	46623	76,7	93,5
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	6996	7911	53633	88,0	70,6
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 Chiếc	47684	37199	256753	102,2	125,1
Giấy và bìa nhãn	Tấn	9462	10643	68725	108,1	110,6
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	6563	7200	45105	117,0	109,5
Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	973	1021	6149	193,0	138,1
Phân bón các loại	Tấn	25086	25477	178963	96,7	114,1
Thuốc trừ sâu	Tấn	1685	1348	6489	77,4	101,3
Thuốc kháng sinh dạng viên	Triệu viên	43177	46372	358135	51,0	82,7
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Kg	5876	5841	63661	117,2	109,0
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	210	238	1872	104,1	95,4
Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	884	838	6323	99,1	107,0
Cửa bằng plasstic	Tấn	5570	4967	42099	67,5	82,9
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	1861	1739	15280	71,6	108,5
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	314	335	2312	232,6	125,6
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	1000 M ³	256	260	1778	93,8	96,2
Thép không gỉ các loại	Tấn	3349	3386	22789	83,3	92,4
Ống không nối, mặt cắt tròn bằng thép	Tấn	4368	4380	35949	104,2	107,6
Cửa bằng sắt, thép	1000 M ²	71	73	512	93,0	93,4

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (Tiếp)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 7	7 tháng
					năm	năm
					2021	2021
Máy copy - in	1000 Cái	409	415	2789	81,5	111,3
Điện thoại di động từ 3 đến 6 triệu đồng	1000 Cái	146	108	1204	97,1	118,7
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	71	125	594	155,7	96,1
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	511	499	3723	103,7	108,4
Bộ phận thiết bị và điều khiển điện	Tấn	61	74	419	127,6	113,6
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	1000 Cái	43	45	294	88,2	115,2
Quạt công suất không quá 125W	1000 Cái	278	217	1750	94,2	108,4
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	547	533	3191	133,3	147,4
Thiết bị khác dùng cho động cơ	1000 Cái	2590	2604	18389	169,6	134,3
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	44766	45292	320217	230,5	127,5
Bộ phận tua bin phản lực, tua bin cánh quạt	cái	4248	4292	15083	176,0	146,6
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Chiếc	31843	35759	318846	84,7	103,5
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	18220	18040	131364	116,6	106,1
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	1000 Chiếc	76	76	511	107,6	111,4
Bàn bằng gỗ các loại	1000 Chiếc	464	467	3306	94,5	107,6
Ghế có khung bằng kim loại	1000 Chiếc	120	118	835	81,6	84,5
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2573	2817	17160	107,0	107,3
Nước uống	1000 M3	20013	20049	137895	102,1	105,0

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Tỷ đồng; %

	Kế hoạch	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	năm	tháng 6	tháng 7	7 tháng	tháng 7	7 tháng
	2021	năm	năm	năm	năm	năm
		2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	50838	4248	4426	23872	100,1	108,4
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	23585	1692	1701	11578	93,9	107,8
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	14835	1236	1237	8165	97,3	99,2
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>10151</i>	<i>859</i>	<i>932</i>	<i>5121</i>	<i>126,5</i>	<i>110,3</i>
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	550	20	21	129	141,8	177,7
Vốn nước ngoài (ODA)	7840	407	413	3112	83,1	136,3
Xổ số kiến thiết	360	29	30	172	103,1	112,0
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	25004	2350	2517	11119	104,0	108,3
Vốn cân đối ngân sách huyện	22069	2119	2264	9859	105,4	111,4
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>13101</i>	<i>983</i>	<i>1021</i>	<i>4951</i>	<i>87,7</i>	<i>129,5</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	2935	231	253	1260	93,2	89,0
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	2249	206	208	1175	110,5	114,2
Vốn cân đối ngân sách xã	2031	186	187	1058	126,1	133,5
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>1598</i>	<i>151</i>	<i>157</i>	<i>796</i>	<i>148,3</i>	<i>142,7</i>
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	218	20	21	117	52,0	49,7

6. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội

Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	So với cùng kỳ năm trước	
				tháng 7 năm 2021	7 tháng năm 2021
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	243582	238286	1720052	92,2	103,7
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>					
Nhà nước	29275	28500	203160	94,7	97,1
Ngoài Nhà nước	199157	195186	1408397	91,8	105,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15150	14600	108495	93,1	99,7
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>					
Thương nghiệp	204107	200480	1423111	97,0	105,3
Khách sạn, nhà hàng	2569	2350	25550	45,8	90,4
Du lịch lữ hành	180	178	2207	21,8	56,5
Dịch vụ	36726	35278	269184	77,2	97,8
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	44492	41396	329146	80,3	102,3
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>					
Nhà nước	7106	7030	51679	88,5	98,3
Ngoài Nhà nước	35153	32186	260429	78,1	103,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2233	2180	17038	91,0	102,2
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>					
Bán lẻ hàng hóa	31776	29280	225461	89,4	105,8
Khách sạn, nhà hàng	2569	2350	25550	45,8	90,4
Du lịch lữ hành	180	178	2207	21,8	56,5
Dịch vụ	9967	9588	75928	74,8	99,3
<i>Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)</i>					
Nhà nước	16,0	17,0	15,7	-	-
Ngoài Nhà nước	79,0	77,7	79,1	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	5,0	5,3	5,2	-	-

7. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Tỷ đồng; %

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	31776	29280	225461	89,4	105,8
Lương thực, thực phẩm	7681	7520	53394	89,4	103,2
Hàng may mặc	1964	1750	14864	82,1	104,9
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	4309	3750	28363	88,8	101,8
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	506	435	3725	87,2	101,5
Gỗ và vật liệu xây dựng	615	510	4577	71,7	100,2
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	3564	3325	25610	88,2	102,7
Phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng)	925	895	6537	86,6	99,6
<i>Trong đó: xe đạp và phụ tùng xe đạp</i>	<i>102</i>	<i>85</i>	<i>677</i>	<i>89,3</i>	<i>104,9</i>
Xăng, dầu các loại	4958	5150	36985	115,9	115,9
Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	393	400	2831	117,3	122,0
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	691	655	4849	78,1	98,1
Hàng hóa khác	5355	4185	38034	75,5	108,9
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	815	705	5692	86,0	102,8

**8. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành
và dịch vụ tiêu dùng khác**

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	12717	12116	103685	64,5	95,5
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	2569	2350	25550	45,8	90,4
Dịch vụ lưu trú	135	129	1513	21,4	59,1
Dịch vụ ăn uống	2434	2221	24037	49,0	93,5
Du lịch lữ hành	180	178	2207	21,8	56,5
Dịch vụ tiêu dùng khác	9967	9588	75928	74,8	99,3

9. Kim ngạch xuất khẩu

	<i>Triệu USD; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	1418	1411	8518	94,1	102,0
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>					
Khu vực kinh tế trong nước	836	878	4875	90,7	95,7
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	582	533	3643	100,3	111,7
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Hàng nông sản	74	72	446	108,3	89,0
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>155</i>	<i>34,3</i>	<i>72,3</i>
+ Cà phê	<i>11</i>	<i>11</i>	<i>108</i>	<i>107,6</i>	<i>89,7</i>
Hàng may, dệt	288	243	1184	118,4	113,7
Giày dép các loại và SP từ da	29	30	207	111,0	141,1
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	188	191	1083	78,1	86,5
Hàng gốm sứ	17	16	128	103,3	111,6
Xăng dầu	55	55	341	249,0	79,5
Máy móc thiết bị phụ tùng	241	219	1186	169,7	133,7
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	36	36	233	111,6	119,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng	205	187	850	271,7	130,6
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	74	72	401	181,7	135,7
Điện thoại và linh kiện	28	27	205	140,8	193,8
Hàng hoá khác	183	263	2254	41,8	82,4

10. Kim ngạch nhập khẩu

Triệu USD; %

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	2805	2855	19508	112,3	119,6
Phân theo khu vực kinh tế					
Khu vực kinh tế trong nước	2215	2250	15272	110,8	120,4
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	590	605	4236	117,9	116,8
Phân theo nhóm hàng					
Máy móc thiết bị, phụ tùng	502	511	3691	116,6	126,7
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	190	189	1389	91,5	114,2
Phương tiện vận tải và phụ tùng	165	166	1492	131,6	186,6
Hàng điện gia dụng và linh kiện	59	60	572	114,7	127,0
Xăng dầu	140	142	1074	60,8	86,9
Sắt thép	165	166	897	119,3	110,7
Chất dẻo	133	130	823	139,8	128,3
Thức ăn gia súc	73	74	490	140,0	120,7
Vải	93	95	508	171,5	119,1
Kim loại khác	114	113	711	157,1	134,9
Ngô	89	90	491	116,8	120,9
Sản phẩm chất dẻo	60	66	463	125,6	130,7
Sản phẩm hóa chất	81	82	507	158,6	135,9
Hàng hóa khác	941	971	6400	108,8	111,4

11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7 năm 2021

	Tháng 7 năm 2021 so với:				%
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 7 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 6 năm 2021	Bình quân 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,40	102,28	102,15	100,73	101,30
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,90	98,84	100,42	100,30	99,60
<i>Trong đó: Lương thực</i>	<i>105,43</i>	<i>101,84</i>	<i>101,31</i>	<i>99,82</i>	<i>102,30</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>109,07</i>	<i>97,67</i>	<i>100,45</i>	<i>100,48</i>	<i>98,47</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>109,80</i>	<i>100,85</i>	<i>100,01</i>	<i>100,00</i>	<i>101,68</i>
Đồ uống và thuốc lá	103,79	101,52	101,28	99,97	101,57
May mặc, mũ nón và giày dép	101,22	100,77	100,33	99,92	100,57
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	108,30	106,41	105,00	102,09	103,12
Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,64	100,39	100,35	100,04	100,67
Thuốc và dịch vụ y tế	102,49	100,15	100,09	100,02	100,25
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	<i>102,32</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
Giao thông	101,87	113,19	111,16	102,30	106,31
Bưu chính viễn thông	98,54	98,92	99,60	100,00	98,91
Giáo dục	106,97	102,68	100,05	100,00	102,71
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	<i>107,27</i>	<i>102,85</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>102,85</i>
Văn hoá, giải trí và du lịch	94,37	96,77	97,92	99,83	97,21
Hàng hóa và dịch vụ khác	106,75	100,36	100,20	99,95	100,55
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	129,55	104,00	96,28	97,60	115,21
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,52	99,24	99,49	100,00	99,06

12. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	10966	10738	77402	98,1	107,8
Vận chuyển hành khách	1065	887	9407	71,1	102,5
Đường bộ	1062	885	9376	71,3	102,6
Đường thủy	3	2	31	39,9	65,8
Vận tải hàng hóa	3795	3890	26516	95,2	107,3
Đường bộ	2609	2669	17779	104,3	110,5
Đường thủy	1179	1213	8676	80,0	101,1
Đường sắt	7	8	61	78,4	111,5
Kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	5320	5196	36141	105,7	109,5
Bưu chính chuyển phát	786	765	5338	109,0	109,2

13. Vận tải hành khách và hàng hoá

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
HÀNH KHÁCH					
Vận chuyển (Nghìn HK)	17522	14379	188231	73,4	110,5
Đường bộ	17494	14352	187847	73,5	110,6
Đường thủy	28	27	384	39,4	74,1
Luân chuyển (Triệu HK.km)	747	622	5253	73,9	100,5
Đường bộ	746	622	5248	73,9	100,6
Đường thủy	1	...	5	48,9	72,5
HÀNG HÓA					
Vận chuyển (Nghìn tấn)	72295	73831	507879	100,0	107,1
Đường bộ	69500	71009	488178	100,7	107,3
Đường thủy	2690	2713	18893	85,3	102,0
Đường sắt	105	109	808	85,2	105,4
Luân chuyển (Triệu tấn.km)	6107	6430	44715	91,2	102,1
Đường bộ	2067	2167	13967	101,4	105,3
Đường thủy	4033	4255	30697	86,8	100,6
Đường sắt	7	7	51	79,9	107,2

14. Khách du lịch

	<i>Lượt khách; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
Khách du lịch (do cơ sở lưu trú phục vụ)					
Khách đến Hà Nội	25406	25000	1372036	48,3	65,4
a. Khách trong nước	14000	10000	1255900	28,8	90,6
<i>Chia ra</i>					
- Khách trong ngày	6500	4500	623800	23,0	89,4
- Khách ngủ qua đêm	7500	5500	632100	36,4	91,9
b. Khách quốc tế	11406	15000	116136	88,0	16,3
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	1020	950	102670	2,2	26,8
- Khách quốc tế	485	450	17185	11,8	8,1
- Khách trong nước	535	500	85485	1,3	49,8

15. Thu - Chi ngân sách Nhà nước

	<i>Tỷ đồng; %</i>		
	Ước tính	7 tháng	7 tháng
	7 tháng	năm 2021	năm 2021
	năm	so với	so với cùng kỳ
	2021	dự toán	năm trước
TỔNG THU	152176	64,6	112,7
1. Thu dầu thô	836	66,9	46,8
2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	12726	68,4	122,3
3. Thu nội địa (không kể dầu thô)	138614	64,3	112,8
Trong đó:			
- Khu vực kinh tế Nhà nước	34159	68,7	127,7
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	15020	73,1	127,5
- Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	33116	66,2	144,6
- Thuế thu nhập cá nhân	19800	80,2	113,1
- Thu tiền sử dụng đất	9606	48,0	79,5
- Thu lệ phí trước bạ	4725	65,6	127,3
- Thu phí và lệ phí	9302	54,4	103,1
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	35380	32,6	94,8
1. Chi đầu tư phát triển	12157	23,7	83,0
2. Chi thường xuyên	23210	49,0	102,4

16. Tín dụng ngân hàng

	<i>Nghìn tỷ đồng; %</i>			
	Thực hiện đến tháng 6 năm 2021	Ước tính đến tháng 7 năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với tháng trước	Tháng 7 năm 2021 so với tháng 12 năm 2020
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	3911	3955	101,1	105,4
Tiền gửi	3652	3695	101,2	105,7
- Tiền gửi tiết kiệm	1491	1507	101,1	105,3
- Tiền gửi thanh toán	2161	2188	101,3	106,0
Phát hành giấy tờ có giá	259	260	100,1	101,2
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	<i>259</i>	<i>260</i>	<i>100,1</i>	<i>101,2</i>
TỔNG DƯ NỢ	2333	2362	101,2	107,2
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	942	956	101,5	108,7
Dư nợ trung và dài hạn	1391	1406	101,1	106,2
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ bằng VND	2078	2106	101,4	108,0
Dư nợ bằng Ngoại tệ	255	256	100,2	101,0

17. Tai nạn giao thông

	Đơn vị tính	Tháng 7 năm 2021
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	86
Đường bộ	"	82
Đường sắt	"	4
Đường thủy nội địa	"	-
Số người chết	Người	47
Đường bộ	"	42
Đường sắt	"	5
Đường thủy nội địa	"	-
Số người bị thương	Người	56
Đường bộ	"	55
Đường sắt	"	1
Đường thủy nội địa	"	-
Số vụ cháy	Vụ	35
Số người chết	Người	-
Số người bị thương	Người	-
Giá trị thiệt hại về tài sản	Triệu đồng	300